

# Thiện, thiên, đan

Tin Đức Hồng Y Paul Shan Kuo-Hsi, S.J. Đài Loan, được Chúa gọi về ngày 22-8-2012 đã được giới truyền thông các nước loan báo rộng rãi, vì ngài là một người nổi tiếng.

Tiếng Hoa thì đăng đúng tên của Ngài là 單國璽, tiếng Tây người ta cứ đăng tên của ngài theo phiên âm là Paul Shan Kuo-Hsi, riêng tiếng Việt lại có vấn đề.

Hầu hết các trang tin tiếng Việt điều dịch là Đan Quốc Tỷ, cũng có người dịch nhầm là Thiên Quốc Tỷ. Dòng Tên Việt Nam lập tức đưa ra ý kiến nên dịch là Thiện Quốc Tỷ (có giải thích). Nhưng vẫn có người không chấp nhận. Vậy chữ 單 dùng cho nghĩa bình thường, hay là họ, địa danh, tiếng Việt phải dịch thế nào?

## 1. Tính phức tạp của chữ Hoa.

**1.1. Cách viết không thống nhất.** Chữ Hoa có hai loại chữ: phần thể và giản thể, như chữ 單(đan) chúng ta đang bàn, cách viết phần thể là 單, còn giản thể là 单. Chữ này khác biệt không nhiều, có những chữ khác xa một trời một vực, như chữ 廣(quảng), phần thể là 廣, giản thể là 广, hay chữ 廠(xưởng), phần thể là 廠, giản thể là 厂. Liên Hợp Quốc nhìn nhận chữ giản thể là chữ chính thức, nhưng ngoài Trung Quốc và Singapore, hầu hết các vùng người Hoa khác đều dùng phần thể. Bộ Giáo Dục Việt Nam quy định các học sinh ở trường nếu có học chữ Hoa, thì học giản thể, nhưng ngoài xã hội và cả báo Sài gòn Giải Phóng bản tiếng Hoa, lại dùng phần thể, nên các em học chữ Hoa ở trường, không thể đọc báo.

**1.2. Một âm có nhiều chữ.** Chữ Hoa có khi cùng một âm có nhiều chữ, ví dụ chữ 丹 mà chúng ta đang bàn đến, có 6 chữ. 丹, 單(单), 禪(禅), 鄆(郾), 硯, 癢(痒), mỗi chữ có một nghĩa khác. Đối với những người học chữ Hoa bằng cách phiên âm, hay như tiếng Việt, gây rất nhiều khó khăn, vì không thể phân biệt được chữ nào.

**1.3. Một chữ có nhiều âm.** Chữ Hoa có khi một chữ có nhiều âm. Dùng vào loại từ khác nhau, đôi khi lại có âm khác nhau. Như chữ chúng ta

đang bàn 單, trong tiếng Phổ Thông, có ba âm, là *dān*, *shàn*, *chán*. Hay như chữ 好(hảo), có hai âm: *hǎo*, *hào*, khi tạo thành từ, cùng chữ, cũng không biết phải đọc thế nào, mà phải coi hết cả mạch văn. Ví dụ: 不好, nếu là tính từ thì đọc là *bǎo hảo*, như: trà bất hảo (trà không tốt). Nếu là động từ thì đọc là *hiếu, háo*, như bất hiếu trà (không thích trà). Đây chính là vấn đề rất khó khăn cho người học tiếng Hoa.

## 2. Âm và nghĩa của chữ 單.

Chữ 單 trong tiếng Hoa có ba âm: *dān*, *shàn*, *chán*. Khi dùng như danh từ, động từ, tính từ và phó từ thì đọc là *dān*; dùng để xưng vua của Hung Nô hay những lãnh tu không phải dân tộc Hán, thì đọc là *chán*. Nhưng dịch ra tiếng Việt thì phải đọc thế nào, đã có người nói họ tên của Đức Hồng Y Đài Loan trong bản tiếng Anh là Shan Kuo-Hsi, tiếng Việt là Đan Quốc Tỷ thì đúng rồi. Làm sao biết tiếng *dān* Việt ngữ phải đọc thế nào, rồi *shàn* và *chán* nữa nên đọc thế nào?

Năm 2005, khi tôi viết bài mân cô, môi cô..., có giải thích về việc này, nay xin mạn phép nhắc lại.

Chữ Hán Việt bắt nguồn từ chữ Hoa (chữ Hán) do đó khi phát âm phải căn cứ theo chữ Hoa. Chữ Hoa đã có mấy ngàn năm nay, là lối chữ biểu ý, không có phiên âm, vậy làm sao phát âm? Chính vì thế, thời xưa, người Trung Quốc nhiều khi hiểu ý của chữ mà đọc âm chữ chưa đúng. Vì thế, vua Khang Hy, Nhà Thanh, mới cho triệu tập tất cả các văn sĩ tài ba trong cả nước biên soạn một cuốn tự điển, ghi rõ cách phát âm của chữ Hoa, và đã được xuất bản vào năm thứ 55 triều Khang Hy (tức năm 1716) có tên gọi là KHANG HY TỰ ĐIỂN. Từ đó, cách phát âm của chữ Hoa đều căn cứ vào Khang Hy Tự Điển.

Cách phiên âm của Khang Hy Tự điển gọi là *phiên thiết*. Xin lược dẫn như sau:

Muốn xác định cách phát âm của một chữ phải dùng hai phần ghép lại, gọi là *định âm* (định vần) và *định thanh* (định dấu):

1. **Định âm** bằng cách: Lấy âm khởi đầu của chữ trước đọc nối liền lại với **vận** của chữ sau.

2. **Định thính** bằng cách: Lấy thính của chữ trước định **bực** thính và thính của chữ sau định **loại** thính.

Có 2 bực thính và 4 loại thính liên hệ với nhau như sau:

Bực thính	Loại thính			
	Bình	Thượng	Khứ	Nhập (*)
Thanh	Dấu ngang	Dấu hỏi	Dấu sắc	Dấu sắc
Trọc	Dấu huyền	Dấu ngã	Dấu nặng	Dấu nặng

(\*) *Thính nhập là thính kết thúc bằng vần p, t, k.*

Ngoài những quy luật phiên thiết trên, người ta còn thêm một chữ cùng âm của chữ đang phiên thiết, để giúp những người không quen phiên thiết cũng có thể đọc được chữ đó.

### 2.1. Âm của chữ 單

Chữ 單 có ba âm đọc như đã nói: *dān*, *shàn*, *chán*. Căn cứ vào những luật trên, chúng ta thử xem chữ 單 phải đọc thế nào.

- Theo **Khang Hy tự điển**<sup>1</sup>.

**Dān**: Phiên thiết của âm *dān* là 都寒 đô + hàn.

Định Âm: Âm khởi đầu của chữ đô là **đ**; vận của chữ hàn là **an**; lấy âm khởi đầu của chữ trước với vận của chữ sau, đọc nối liền lại thành **đan**.

Định thính: Chữ **đô** (dấu ngang) thuộc bực thính là **thanh**, chữ **hàn** (dấu huyền), thuộc loại thính là **bình**, như vậy thính của chữ 單(đan) là **thanh bình** (dấu ngang), đọc **đan**.

**Shàn**: Phiên thiết của âm *shàn* là 上演 thượng + diễn, thuộc thanh trọc thượng, phải đọc thiện, nhưng vì chữ cùng âm là 善(thiện), nên tiếng Việt đọc là **thiện**.

**Chán**: Phiên thiết của âm *chán* là 市連 thị + liên, thuộc thanh trọc bình, chữ cùng âm là 蟬 (thiên) hay 善 (thiện), tiếng Việt âm theo chữ 蟬 là **thiên**.

- Theo **Từ Hải**<sup>2</sup> và **Từ Nguyên**

**Dān**: Phiên thiết là 德安 đức + an= đân.

**Shàn**: Phiên thiết là 市演 thị + diễn= thiên, nhưng chữ cùng âm là 善 (thiện), nên tiếng Việt vẫn đọc là **thiện**.

**Chán**: Phiên thiết là 時延 thời + diên= **thiên**.

Cách đọc âm của chữ 單 hơi khó cho người Việt, nên không phải từ điển tiếng Việt nào cũng có hết mấy âm đọc này. Cuốn Dictionary Vietnamese Chinois Français<sup>3</sup> chỉ có âm *thiên*. Từ Điển Trung Việt<sup>4</sup> chỉ có hai âm *đan* và *thuyền*. Hán Việt Tân Từ Điển<sup>5</sup> chỉ có hai âm *đan* và *thiên*. Hán Việt Từ Điển<sup>6</sup> có âm *đan*, *thiên* hay *thiện*. Giúp đọc Nôm và Hán Việt<sup>7</sup> có ba âm *đan*, *thiên* và *thuyền*, không có âm *thiện*. Chỉ có hải từ điển sau đây có đủ ba âm *đan*, *thiên* và *thiện*: Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu<sup>8</sup> và Từ Điển Hán Việt<sup>9</sup>.

Từ những từ điển có trong tay cho thấy, không phải ai cũng biết chữ 單 có nhiều âm.

Trong tiếng Việt, âm *đan* còn đọc *đơn*, có lẽ do đọc trại. Còn riêng âm “thuyền”, có lẽ từ sai lầm của người dịch Tam Quốc Chí, vì trong truyện có vị mỹ nhân tên là 貂蟬 (Điêu Thiên), bản tiếng Việt dịch là Điêu Thuyền. Do đó, đến bây giờ người Việt hầu như chỉ biết tên của mỹ nhân đó là Điêu Thuyền mà thôi. Chính người Hoa cũng hay viết lộn chữ, tên của

<sup>2</sup> *Từ Hải của Đài Loan: Nhà xuất bản Đài Loan Trung Hoa Thư Cục, tháng 12/1972, tr. 612, Từ Hải của Trung Quốc: Nhà xuất bản Thượng Hải Từ Thư, năm 1999 (bản thu nhỏ), tr. 173, 1457 và Từ Nguyên của Trung Quốc: Thương Vũ Ấn Thư Quán, tháng 5/1935, tr. 89.*

<sup>3</sup> *Eugène Quirin, des Missions Étrangères de Paris, 1957, in tại Saigon, tr. 1368.*

<sup>4</sup> *Văn Tân, NXB Sự Thật, năm 1956, tr. 200, 201.*

<sup>5</sup> *Nguyễn Quốc Hùng, NXB Khai Trí, năm 1975, tr. 230, 716.*

<sup>6</sup> *Thương Vũ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 1994, tr. 120, 587.*

<sup>7</sup> *Lm. Antôn Trần Văn Kiêm, NXB Đà Nẵng, năm 2004, tr. 372,*

<sup>8</sup> *NXB Tp. HCM., tháng 6/1993, tr. 95.*

<sup>9</sup> *Phan Văn Các chủ biên, NXB. Tp. HCM., tháng 9/2002, tr. 170, 305, 1244*

<sup>1</sup> *Nhà xuất bản Hán Ngữ Đại Từ Điển, tháng 5/2002, tr. 128.*

nàng là 貂蟬 (蟬 bộ huỷ), nhưng có người viết là 貂嬋 (嬋 bộ nữ), hay 刁 (họ) 嬋. Chữ 蟬 bộ huỷ, theo phiên thiết là *thiên*. Chữ 嬋 bộ nữ thì đọc là *thiên* hay *thuyền*. Vậy, người dịch Tam Quốc Chí rõ ràng đọc lộn chữ 蟬 bộ huỷ thành 嬋 bộ nữ, nên Điều Thiên bị cái tên thành Điều Thuyền. Hậu quả là có một số tự điển cũng ngộ nhận chữ 蟬 bộ huỷ đọc là *thuyền*.

## 2.2. Nghĩa của chữ 單

Chữ 單 hơi đặc biệt, khi âm đọc khác thì nghĩa cũng khác.

Các từ điển đều có chữ *đan*, cách giải nghĩa cũng gần giống nhau: Đan (đơn) có nghĩa *đt.* (1) Tờ kê: *Thái đan* (thực đơn). (2) Tấm vải: *Sàng đan* (vải trải giường). (3) Giường ngồi của thầy tu trong thiên đường. (4) Tiêu chuẩn tính nặng nhẹ, dài ngắn và số lượng của vật thể: *Đơn vị. đt.* (5) Tận lực. *tt.* (6) Cô đơn: *Hình đan ảnh chích* (hình đơn bóng lẻ). (7) Mỏng manh, yếu ớt, ít ỏi: *Đan độc*, (8) Không phức tạp: *Giản đan minh liễu* (gian di dễ hiểu) (9) Mang số lẻ: *Đan nhật* (ngày lẻ). (10) Áo có một lớp vải: *Đan y* (áo đơn) . *pht.* (11) Không chỉ: *Bất đan* (không những). (11) Chỉ: *Đan thuyết bất tố* (chỉ nói không làm). (12) Độc nhất: *Đan đả độc đấu* (một đánh với một).

Những từ điển có đủ ba âm đều giải nghĩa *thiên* và *thiện* giống nhau, như Thiều Chửu, Từ Điển Hán Việt và Quốc Ngữ Hoạt Dụng Từ Điển<sup>10</sup>:

- Thiên: *đt.* Vua nước Hung-nô: *Thiên Vu*.

- Thiện: *đt.* Họ Thiện: *Thiện An Nhân* (người thuộc thời triều Minh).

### Kết luận.

Vậy, rõ ràng ĐHY Shan Kuo-Hsi chỉ có một cách dịch là **Thiện Quốc Tử**. Truyền thông hiện nay phát triển rất nhanh, có tầm ảnh hưởng lớn, những người phụ trách truyền thông cần có tinh thần trách nhiệm, nhất là giới truyền thông mang danh nghĩa của Hội Thánh, càng phải rất cẩn thận trong việc đưa tin những nhân vật của Giáo Hội.

---

<sup>10</sup> Châu Hà chủ biên, Đài Loan, 2004, tr. 351.